

TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN
TỔ NGỮ VĂN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KỲ I (2025-2026)
MÔN NGỮ VĂN LỚP 10

PHẦN 1: MA TRẬN, ĐẶC TẢ

A. KHUNG MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc	Truyện hiện đại/hậu hiện đại	2 (câu) 10%	2 (câu) 20%	1 (câu) 10%	1(câu) 10%	6 (câu) 50%
		Thơ trữ tình					
		Văn nghị luận					
2	Viết	Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm	1* 20%	1* 20%	1* 10%	1* 10%	1 50%
Tỉ lệ %			30%	30%	20%	20%	100%
			60%		40%		

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*.

B. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tỉ lệ %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Đọc hiểu các văn bản: (<i>Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa</i>) 1. Truyện hiện đại/hậu	Nhận biết: - Nhận biết lời kể, ngôi kể, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết đề tài, không gian, thời gian, chi tiết tiêu biểu trong truyện. - Nhận biết được những đặc điểm của nhân vật,	2 10%	2 20%	1 10%	1 10%	6 50%

		hiện đại cốt truyện, câu chuyện trong tác phẩm truyện. - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa được thể hiện trong văn bản truyện. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện và lí giải được ý nghĩa, tác dụng của cốt truyện. - Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện và lí giải được mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của việc lựa chọn lời kể, ngôi kể, điểm nhìn trong tác phẩm. - Phân tích, đánh giá được đặc điểm của nhân vật và vai trò của nhân vật trong tác phẩm. - Xác định được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm; chỉ ra được những căn cứ để xác định chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật. - Nêu và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ. Vận dụng: - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.				
--	--	---	--	--	--	--

			- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm truyện thuộc những nền văn học khác nhau. Nhận biết: - Nhận biết được các biểu hiện của thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp nghệ thuật trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong bài thơ. - Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa được thể hiện trong bài thơ. - Nhận biết được những biểu hiện trực tiếp của				
		2. Thơ trữ tình					

		tình cảm, cảm xúc trong bài thơ. Thông hiểu: - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mỹ của từ ngữ, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ. - Phân tích được ý nghĩa, giá trị của hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong bài thơ - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ. - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp của bài thơ. - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ bài thơ. - Nêu và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ. Vận dụng: - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do bài thơ gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ để lí giải ý nghĩa, thông điệp của bài thơ.					
--	--	---	--	--	--	--	--

			- Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn, cách cảm nhận riêng của tác giả về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. Nhận biết - Nhận biết được luận đề chính trong văn bản. - Nhận biết được luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả - Nhận biết được các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận. Thông hiểu - Xác định được nội dung bao quát, tư tưởng chủ đạo của văn bản - Xác định và lí giải được mục đích, quan điểm của người viết - Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản. - Phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận. - Nêu và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ. Vận dụng					
--	--	--	--	--	--	--	--	--

			- Rút được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả Vận dụng cao - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản - Đánh giá được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.					
2	LÀM VĂN	Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm	Nhận biết: - Nêu được thói quen hay quan niệm mang tính tiêu cực, cần phải từ bỏ - Xác định rõ được mục đích (khuyên người khác từ bỏ thói quen/ quan niệm), đối tượng nghị luận (người/ những người mang thói quen/ quan niệm mang tính tiêu cực) - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: -Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. -Trình bày được những khía cạnh mang tính tiêu cực, bất lợi của thói quen/ quan niệm; những lợi ích của việc từ bỏ thói quen/ quan niệm ấy	1*	1*	1*	1*	50%

		-Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Thể hiện được thái độ tôn trọng đối với đối tượng thuyết phục; chỉ ra được lợi ích của việc từ bỏ thói quen, quan niệm. - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, ... để tăng sức thuyết phục cho lập luận - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
Tỉ lệ %			30%	30%	20%	20%	100%
Tỉ lệ chung			60%		40%		

PHẦN 2: KIẾN THỨC CƠ BẢN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

BÀI 1. SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

1. Cốt truyện

- Cốt truyện trong tác phẩm tự sự (thần thoại, sử thi, cổ tích, truyện ngắn, tiểu thuyết,...) và kịch được tạo nên bởi sự kiện (hoặc chuỗi sự kiện). Sự kiện là sự việc, biến cố dẫn đến những thay đổi mang tính bước ngoặt trong thế giới nghệ thuật hoặc bộc lộ những ý nghĩa nhất định với nhân vật hay người đọc – điều chưa được họ nhận thấy cho đến khi nó xảy ra.

2. Truyện kể

- Sự kiện trong cốt truyện được triển khai hoặc liên kết với nhau theo một mạch kể nhất định. Mạch kể này thống nhất với hệ thống chi tiết và lời văn nghệ thuật (bao gồm các thành phần lời kể, lời tả, lời bình luận, ...) tạo thành truyện kể.

3. Người kể chuyện

- Truyện kể chỉ tồn tại khi có người kể chuyện. Trong nhiều loại hình tự sự dân gian, người kể chuyện có thể là người trực tiếp diễn xướng để kể lại câu chuyện cho công chúng. Trong tự sự của văn học viết, người kể chuyện là “vai” hay “đại diện” mà nhà văn tạo ra để thay mình thực hiện việc kể chuyện.

- Nhờ người kể chuyện, người đọc được dẫn dắt vào thế giới nghệ thuật của truyện. Kể để tri nhận về nhân vật, sự kiện, không gian, thời gian, ... Người kể chuyện cũng khơi dậy ở người đọc những suy tư về ý nghĩa mà truyện kể có thể gợi ra.

4. Nhân vật

- Nhân vật là con người cụ thể được khắc họa trong tác phẩm văn học bằng các biện pháp nghệ thuật. Cũng có những trường hợp nhân vật trong tác phẩm văn học là thần linh, loài vật, đồ vật, ... nhưng khi ấy, chúng vẫn đại diện cho những tính cách, tâm lí, ý chí hay khát vọng của con người. Nhân vật là phương tiện để văn học khám phá và cắt nghĩa về con người.

BÀI 2. VẺ ĐẸP CỦA THƠ CA

1. Thơ và thơ trữ tình

- Thơ là hình thức tổ chức ngôn từ đặc biệt, tuân theo một mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định. Mô hình này làm nổi bật mối quan hệ giữa âm điệu và ý nghĩa của ngôn từ thơ ca. Với hình thức ngôn từ như thế, thơ có khả năng diễn tả được những tình cảm mãnh liệt hoặc những ấn tượng, xúc động tinh tế của con người trước thế giới.

- Thơ trữ tình là loại tác phẩm thơ thường có dung lượng nhỏ, thể hiện trực tiếp cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

2. Nhân vật trữ tình

Nhân vật trữ tình là người trực tiếp bộc lộ rung động và tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh hoặc sự tình nào đó. Nhân vật trữ tình có mối liên hệ mật thiết với tác giả song không hoàn toàn đồng nhất với tác giả.

3. Hình ảnh thơ

Hình ảnh thơ là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc.

4. Văn thơ, nhịp điệu, nhạc điệu, đối, thi luật, thể thơ

- **Văn thơ**: sự cộng hưởng, hòa âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ. Văn có chức năng liên kết các dòng thơ và góp phần tạo nên nhịp điệu, nhạc điệu cũng như giọng điệu của bài thơ.

- **Nhịp điệu:** những điểm ngắt hay ngừng theo chu kì nhất định trên văn bản do tác giả chủ động bố trí. Nhịp điệu chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và hình ảnh nhằm gợi ra cảm giác về sự vận động của sự sống và thể hiện cảm nhận thẩm mĩ về thế giới.
- **Nhạc điệu:** cách tổ chức các yếu tố âm thanh của ngôn từ để lời văn gợi ra cảm giác về âm nhạc (âm hưởng, nhịp điệu). Trong thơ, những phương thức cơ bản để tạo nhạc điệu là gieo vần, ngắt nhịp, điệp, phối hợp thanh điệu bằng - trắc...
- **Đối:** cách tổ chức lời văn thành hai vế cân xứng và sóng đôi với nhau cả về ý và lời, có thể chia đối thành hai loại: đối cân (thuận chiều), đối chọi (trương phản).
- **Thi luật:** toàn bộ những quy tắc tổ chức ngôn từ trong thơ như gieo vần, ngắt nhịp, hòa thanh, đối, phân bố số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong cả bài thơ,...
- **Thể thơ:** sự thống nhất giữa mô hình thi luật và loại hình nội dung của tác phẩm thơ. Các thể thơ được hình thành và duy trì sự ổn định của chúng trong quá trình phát triển của lịch sử văn học.

BÀI 3: NGHỆ THUẬT THUYẾT PHỤC TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

1. Văn bản nghị luận

a. Khái niệm

- Văn bản nghị luận là loại văn bản thể hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ.
- Khi viết văn bản nghị luận tùy vào tính chất của thể loại được chọn, các tác giả cũng thường chú ý sử dụng yếu tố biểu cảm và tự sự để làm tăng hiệu quả thuyết phục cho văn bản.

b. Các yếu tố chính của văn bản nghị luận

*** Luận đề**

- Luận đề là vấn đề, tư tưởng, quan điểm, quan niệm... được tập trung bàn luận trong văn bản.

*** Luận điểm**

- Luận điểm là một ý kiến khái quát thể hiện tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả về luận đề. Nhờ hệ thống luận điểm (gọi nôm na là hệ thống ý), các khía cạnh cụ thể của luận đề mới được làm nổi bật theo một cách thức nhất định.
- Luận điểm cần được trình bày một cách rõ ràng, có hệ thống, có định hướng cụ thể và đảm bảo tính chính xác cao.

*** Lí lẽ, bằng chứng**

- Lí lẽ, bằng chứng hay được gọi nôm na là luận cứ. Lí lẽ nảy sinh nhờ suy luận logic được dùng để giải thích và triển khai luận điểm, giúp luận điểm trở nên sáng tỏ và đứng vững. Bằng chứng là những căn cứ cụ thể, sinh động được triển khai từ thực tiễn hoặc từ các tài liệu sách báo nhằm xác nhận tính đúng đắn, hợp lí của lí lẽ.

2. Bài nghị luận xã hội

Bài nghị luận xã hội là một trong nhiều dạng của văn nghị luận, đề cập các vấn đề xã hội được quan tâm rộng rãi, không đi vào những vấn đề, lĩnh vực quá chuyên sâu nhằm tạo được sự hồi đáp tích cực, nhanh chóng từ phía người đọc, người nghe. Đề tài của bài nghị luận xã hội rất phong phú, thường được xếp vào hai nhóm chính:

- Bàn về một hiện tượng xã hội
- Bàn về một tư tưởng đạo lí

Đáp ứng yêu cầu chung của một văn bản nghị luận, bài nghị luận xã hội cũng phải xác lập được luận đề rõ ràng, triển khai bằng hệ thống luận điểm tường minh với lí lẽ thuyết phục và bằng chứng xác đáng, có lời văn chính xác, sinh động.

3. Mạch lạc và liên kết trong văn bản, đoạn văn

- Mạch lạc là sự thống nhất ở bề sâu giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong văn bản (các câu xoay quanh tiểu chủ đề còn các đoạn thì cùng hướng tới chủ đề chung).

- Liên kết là sự thống nhất có thể nhận ra được trên bề mặt ngôn từ giữa các câu trong đoạn văn trong văn bản nhờ sự hiện diện của những phương tiện, hình thức kết nối.
- Trong một văn bản, các đoạn văn đều phải hướng về chủ đề hoặc luận đề chung được sắp xếp theo một trình tự hợp lý, nhằm giải quyết từng mục tiêu cụ thể như triển khai, mở rộng, khái quát vấn đề,...
- Trong một đoạn văn các câu đều phải phục vụ chủ đề của đoạn văn và liên kết với nhau bằng phép lặp, phép thế, phép nối.

B. YÊU CẦU

1. Đọc hiểu

- Nắm chắc các tri thức Ngữ văn để vận dụng làm bài đọc hiểu.
- Vận dụng các tri thức đã học để xác định được các yếu tố như cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời kể; nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, thể thơ; luận điểm, lí lẽ...

2. Viết

Nắm chắc cách **viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm**. Tìm ý, lập dàn ý, những yêu cầu khi viết, chỉnh sửa...theo nội dung ở **sách giáo khoa Ngữ văn 10 – trang 90, 91**), và có thể vận dụng để viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm

PHẦN 3: ĐỀ THAM KHẢO

SỞ GD VÀ ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT BUI THỊ XUÂN-ĐÀ LẠT

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2025 - 2026
Môn: Ngữ văn, lớp 10
Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

ĐỀ 1

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

(1) *Đêm trong suốt áp ngực vào phương ấy
Gập lại mùi cỏ cháy suốt thời trai
Ngôi sao rơi trên dãy kềm gai dài
Cái vùng đất không tiếng gà cất gáy
Bao hăng nồng cỏ cháy rất hoang hôn.*

(2) *Là cái phương sao quá bồn chồn
Đón thư mẹ qua bảy vòng lửa khói
Vết thương đỏ, viên đạn thì sáng chói
Chiếc lá xanh kỳ lạ trút trong đời.*

(3) *Tiếng mùa mưa hồn hậu đến bên tôi
Tiếng thương nhớ không lời trên tóc mẹ
Tiếng Tổ quốc trên môi khi đạn xé
Tiếng cuối cùng khi khẩu súng nắm trên tay.
[...]*

(4) *Cái chiến hào tha thiết ở trong tôi
Người con gái cống mình qua đạn xối
Cái vùng đất không tiếng gà cất gáy
Tình yêu thâm, kín lại lối giao liên.*

[...]

(5) *Phương ấy dài ngút ngút Cà Mau
Ôi phương ấy ở đâu tôi cũng gặp
Tiếng cuối cùng khi khẩu súng nắm trên tay.
Hát vô bờ chữ Đất, lá cây ơi!*

(6) *Phương ấy còn ở mãi trong tôi
Ngỡ nâng lấy tay mình, ngỡ như người biết
nói
Phương ấy ơi! Suốt đời như dấu hỏi
Trên hai vai tuổi trẻ - trước chân trời.*

(Hoàng Nhuận Cầm, *Phương ấy*,
NXB Hội Nhà văn, 2007)

- Câu 1.** Xác định chủ thể trữ tình của bài thơ trên. (0,5 điểm)
- Câu 2.** Chỉ ra những hình ảnh gợi sự hủy diệt của chiến tranh trong đoạn (1) (0,5 điểm)
- Câu 3.** Anh/Chị hiểu “*Là cái phương*”, “*phương ấy*” chỉ điều gì? (1,0 điểm)
- Câu 4.** Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong đoạn thơ sau: (1,0 điểm)

Tiếng mùa mưa hồn hậu đến bên tôi
Tiếng thương nhớ không lời trên tóc mẹ
Tiếng Tổ quốc trên môi khi đạn xé
Tiếng cuối cùng khi khẩu súng nằm trên tay.

- Câu 5.** Tình cảm, cảm xúc bao trùm bài thơ là gì? (1,0 điểm)
- Câu 6.** Bài thơ trên cho anh/chị nhận thức gì về hiện thực chiến tranh? (1,0 điểm)

II. VIẾT (5,0 điểm)

Anh/ chị viết bài văn nghị luận xã hội (500 chữ), thuyết phục người khác từ bỏ thói quen thường xuyên đổ lỗi cho người khác.

SỞ GD VÀ ĐT LÂM ĐỒNG
 TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN-ĐÀ LẠT

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn: Ngữ văn, lớp 10

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

ĐỀ 2

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

BÀI HỌC TUỔI THƠ (Nguyễn Quang Sáng)

Thằng con tôi 11 tuổi, học lớp sáu. Qua mùa thi chuyển cấp, nhân một buổi chiều cho con đi chơi mát, đang hỏi nó về chuyện thi cử, nó chợt hỏi lại tôi:

- Ba! Có bao giờ thấy có một bài luận văn nào điểm không không ba? Con sợ không cô cho bị bằng quả trứng gà. Không phải cho bên lẻ, mà một vòng tròn giữa trang giấy. Thiệt đó ba. Chuyện ngay trong lớp của con, chứ không phải con nghe kể đâu.

Tôi chưa kịp hỏi, nó tiếp:

- Còn thua ba nữa đó, ba. Ít nhất ba cũng được nửa điểm. Còn thằng bạn của con, con sợ không bị như quả trứng.

Thằng con tôi ngửa mặt cười, có lẽ nó thấy thú vị vì thời học trò của ba nó ít nhất cũng hơn được một đứa. [...] Hồi tôi học ở trường trung học Nguyễn Văn Tố (1948 - 1950), tôi là một học sinh trung bình, về môn văn không đến nỗi liệt vào loại kém, nhưng không có gì tỏ ra là người có khiếu văn chương. Và có một lần, bài luận văn của tôi chỉ được có một điểm trên hai mươi (1/20). Đó là kỷ niệm không quên trong đời học sinh của tôi, môn văn. [...]

Tôi hỏi con tôi:

- Luận văn cô cho khó lắm hay sao mà bạn con bị không điểm?
- Luận văn cô cho "Trò hãy tả buổi làm việc ban đêm của bố".
- Con được mấy điểm?
- Con được sáu điểm.
- Con tả ba như thế nào?
- Thì ba làm việc làm sao thì con tả vậy.
- Mấy đứa khác, bạn của con?

Thằng con tôi như chợt nhớ, nó liến thoắng:

- A! Có một thằng ba nó không hề làm việc ban đêm mà nó cũng được sáu điểm đó ba.
- Đêm ba nó làm gì?
- Nó nói, đêm ba nó toàn đi nhậu.
- Nó tả ba nó đi nhậu à?
- Dạ không phải. Ba nó làm việc ban ngày nhưng khi nó tả thì nó tả ba nó làm việc ban đêm.
- Còn thằng bạn bị không điểm, nó tả như thế nào?
- Nó không tả không viết gì hết, nó nộp giấy trắng cho cô.
- Sao vậy?

- Hôm trả lại bài cho lớp, cô gọi nó lên, cô giận lắm, ba. Cô hét: "Sao trò không làm bài". Nó cúi đầu làm thinh. Cô lại hét to hơn: "Hả?". Nó cũng làm thinh. Tụi con ngồi dưới, đứa nào cũng run.

- Nó là học trò loại "cá biệt" à?
- Không phải đâu ba, học trò tiên tiến đó ba.
- Sao nữa? Nó trả lời cô giáo như thế nào?
- Nó cứ làm thinh. Tức quá, cô mới quát cây thước xuống bàn cái chát: "Sao trò không làm bài?" Tới lúc đó nó mới nói: "Thưa cô, con không có ba". Nghe nó nói, hai con mắt của cô con mở tròn như hai cái tô. Cô đứng sững như trời trồng vậy ba!

Tôi bỗng nhập vai là cô giáo. Tôi thấy mình ngã quỵ xuống trước đứa học trò không có ba. Sau đó cô và cả lớp mới được biết, em mồ côi cha khi vừa mới lọt lòng mẹ. Ba em hy sinh trên chiến trường biên giới. Từ ấy, má em ở vậy, tần tảo nuôi con... Có người hỏi em: "Sao mày không tả ba của đứa khác". Em không đáp, cúi đầu, hai giọt nước mắt chảy dài xuống đôi má.

Chuyện của đứa học trò bị bài văn không điểm đã để lại trong tôi một nỗi đau. Em bị không điểm, nhưng với tôi, người viết văn là một bài học, bài học trung thực. Sáng tạo không đồng nghĩa với bịa đặt. Giữa những dòng chữ bịa đặt và trang giấy trắng, tôi xin để trang giấy trắng trung thực trên bàn viết.

(Nguồn : https://isach.info/story.php?story=bai_hoc_tuoi_tho__nguyen_quang_sang)

Thực hiện yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của của văn bản. (0.5 điểm)

Câu 2. Theo văn bản, tại sao bạn cậu bé lại nộp giấy trắng. (0,5 điểm)

Câu 3. Anh/Chị có suy nghĩ gì về tính cách cậu bé bạn của con trai nhân vật tôi qua hành động để trắng trang giấy bài tập? (1,0 điểm)

Câu 4. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong câu văn sau:

Có người hỏi em: "Sao mày không tả ba của đứa khác". Em không đáp, cúi đầu, hai giọt nước mắt chảy dài xuống đôi má. (1,0 điểm)

Câu 5. Anh/chị có đồng ý với quan điểm *Giữa những dòng chữ bịa đặt và trang giấy trắng, tôi xin để trang giấy trắng trung thực trên bàn viết của nhân vật tôi ở cuối truyện hay không?* Vì sao? (1,0 điểm)

Câu 6. Bài học tâm đắc nhất anh/chị rút ra sau khi đọc văn bản trên là gì? Vì sao? (1,0 điểm)

II. VIẾT (5,0 điểm)

Anh/ chị viết bài văn nghị luận xã hội (500 chữ), thuyết phục người khác từ bỏ thói quen lười biếng.

-----**Hết**-----

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh:..... Số báo danh:

Chữ kí GT 1:..... Chữ kí GT 2: